TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **191**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/9/2019

V/v tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

**** Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Khỏe**
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Võ Phước Hoà Bình**
  2. Ông **Phạm Hùng Thái**
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông **Nguyễn Minh Luân**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

Ngày **27** tháng **9** năm **2019** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 572/2019/TLST-HNGĐ ngày 16/8/2019 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Lê Thị G**, sinh năm 1982.
Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
* Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1983.
Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
(Chị G, anh L có mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 10/9/2019 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Do tìm hiểu quen biết trước chị G và anh L cưới nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 113/2012 ngày 02/10/2003. Sau khi cưới vợ chồng cất nhà ở riêng sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh L nóng tánh nên vợ

chồng hay cãi vã, thời gian mâu thuẫn nghiêm trọng gần đây nhất vào tháng 6/2019 anh L có uống rượu về nhà cự cãi nên lấy dao doạ đánh nên chị G bỏ nhà cha mẹ sinh sống từ tháng 8/2019 đến nay. Do cuộc sống vợ chồng sống không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn đoàn tụ lại được nên chị G yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trí T, sinh ngày 15/10/2014 và Nguyễn Trí Th, sinh ngày 28/02/2019, khi ly hôn chị G yêu cầu nuôi hết 02 con chung, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/01 con chung.

Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** Tại bản tự khai ngày 10/9/2019 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn, có đăng ký kết hôn như chị G trình bày là đúng. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2019 thì phát sinh mâu thuẫn do chị G hay ghen tuông, anh L đi nhậu về có cự cãi qua lại, nên chị G bỏ nhà đi về cha mẹ sinh sống từ đó đến nay, sau đó anh L nhiều lần đến năn nỉ để rước chị G về nhưng chị G không chịu về. Do anh vẫn còn tình cảm với chị G và mâu thuẫn giữa vợ chồng không lớn nên anh L không đồng ý ly hôn mong vợ chồng hàn gắn đoàn tụ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trí T, sinh ngày 15/10/2014 và Nguyễn Trí Th, sinh ngày 28/02/2019. Hiện anh L đang chăm sóc nuôi dưỡng cháu T, còn cháu Th do chị G đang chăm sóc nuôi dưỡng, nếu như Toà án giải quyết cho ly hôn thì anh L yêu cầu nuôi cháu T còn cháu Th giao cho chị G nuôi hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Do tìm hiểu quen biết trước chị G và anh L cưới nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 113/2012 ngày 02/10/2003 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng cất nhà ở riêng sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh L nóng tánh nên vợ chồng hay cãi vã, thời gian mâu thuẫn nghiêm trọng gần đây nhất vào tháng 6/2019 anh L có uống rượu về nhà cự cãi nên lấy dao doạ đánh nên chị G bỏ nhà cha mẹ sinh sống từ tháng 8/2019 đến nay. Do cuộc sống vợ chồng sống không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn đoàn tụ lại được nên chị G yêu cầu ly hôn với anh L. Còn anh L thì không đồng ý ly hôn mong vợ chồng hàn gắn đoàn tụ do anh còn tình cảm với chị G.

[2] Xét, mâu thuẫn giữa chị G và anh L chưa trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị G và anh L nêu ra là do anh L nóng tính nên vợ chồng hay cãi vã, thời gian mâu thuẫn nghiêm trọng gần đây nhất vào tháng 6/2019 anh L có uống rượu về nhà cự cãi nên lấy dao doạ đánh chị G, nhưng sau đó anh L cũng đã biết lỗi nhiều lần đến nhà năn nỉ và rước chị G về đoàn tụ. Cho nên, trong các lần hòa giải anh L mong muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ anh hứa sẽ sửa chữa thay đổi lại tính tình và tại phiên toà sơ thẩm anh L hứa sẽ ít nhậu lại mà chăm chỉ lo làm ăn để lo cho gia đình hơn. Chị G và anh L do tìm hiểu quen biết trước mới xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2003 sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến nay đã 16 năm, từ tháng 6/2019 mới phát sinh mâu thuẫn về tình cảm, mâu thuẫn chỉ mới xảy ra trong một thời gian ngắn, còn chung sống tình cảm là cả một thời gian dài. Cho nên, mâu thuẫn giữa vợ chồng không lớn nguyên nhân mâu thuẫn trên vợ chồng có thể ngồi lại cùng nhau để tìm cách khắc phục. Ngoài ra, con chung của chị G và anh L còn nhỏ rất cần sự yêu thương chăm sóc của cha mẹ, nếu như chị G và anh L ly hôn sẽ ảnh hưởng đến tâm lý và cuộc sống của con chung. Do đó, tình cảm giữa chị G và anh L có thể hàn gắn lại được, việc chị G cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn lại được yêu cầu ly hôn là không có căn cứ.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh L chưa xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị G, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về vấn đề con chung, tài sản và nợ chung.

[5] Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị G, căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án nên chị G phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9, Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị G về việc ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về án phí: Chị Lê Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số 0002236 ngày 16/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, nên xem như chị G đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị G, anh Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Khỏe

Các thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày: 18/01/2017

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về vụ án: Tranh chấp "Xin ly hôn", giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu Cương**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp Hậu Quới, xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Anh **Đoàn Quốc Huy**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp Hậu Quới, xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Hồ Văn Khỏe**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* + Ông **Nguyễn Văn Tám**
  + Ông **Đỗ Duy Hừng**

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất 3/3

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu Cương về việc xin ly hôn với anh Đoàn Quốc Huy.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 127, Điều 131 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án; khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Chị Nguyễn Thị Thu Cương phải chịu 200.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số 06047 ngày 21/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, nên xem như chị Cương đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Thu Cương có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Đoàn Quốc Huy có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Khỏe

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Khỏe

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Khỏe

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND xã Hòa Khánh, H. Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Khỏe

Chị Thủy và anh Hùng trình bày thống nhất anh chị xác lập quan hệ quan hệ vợ chồng vào năm 1993, không có đăng ký kết hôn. Như vậy, theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và được hướng dẫn tại Thông tư liên tịch 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/1/2001 thì chị Thủy và anh Hùng phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời gian 02 năm (từ ngày 01/01/2001 đến ngày 01/01/2003). Tuy nhiên, tính đến thời điểm hiện nay, chị Thủy và anh Hùng vẫn không đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Thủy và anh Hùng đã vi phạm Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và được hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001, nên quan hệ giữa chị Thủy và anh Hùng không được pháp luật công nhận là vợ chồng.